

Bản án số: **104/2024/HS-ST**

Ngày: 03/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huệ.

2. Bà Đỗ Thị Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 987/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; Căn cước công dân số: 07920100**** cấp ngày 24 tháng 4 năm 2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ Công an; Nơi thường trú: Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Quản lý nhà hàng; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T2 và bà Nguyễn Kim N; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phan Thanh T3, sinh năm 2000; Địa chỉ: Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1999; Địa chỉ: Phường Cầu Kho,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Phạm Tuyết M, sinh năm 1998; Địa chỉ: Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Chị Phan Liên T1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T là quản lý nhà hàng lẩu Haidilao, địa chỉ số 02 đường Hải Triều, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có quan hệ bạn bè quen biết với Phạm Tuyết M, Phan Thanh T3, Nguyễn Hoàng K, Phan Liên T1 (là chị gái họ của T3) do cùng làm nhân viên phục vụ nhà hàng Haidilao chung với T.

Khoảng tháng 5 năm 2023, T, M, K, T3, T1 cùng thuê căn nhà tại địa chỉ TK*/** Võ Văn K, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Căn nhà có 03 tầng, mỗi tầng có 01 phòng riêng. T và M ở tầng 1, K và T3 ở tầng 2 còn Thanh ở tầng 3.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13 tháng 02 năm 2024, T đi làm về căn nhà nêu trên tắm rửa, nghỉ ngơi. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T từ phòng của mình đi lên phòng của K và T3 để lấy lại bàn ủi mà T cho T3 mượn sử dụng trước đó. Khi đến nơi, T thấy cửa phòng không khóa, trong phòng không có người nên T biết K và T3 đã đi làm. T bước vào phòng nhìn thấy trên mặt bàn đặt cạnh chân giường có một cọc tiền mệnh giá như 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và kế bên cọc tiền có 01 xấp bao lì xì màu đỏ (không xác định số lượng), T mở ra thì thấy bên trong tất cả bao lì xì đều có tiền, nhiều loại mệnh giá khác nhau. Do cần tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên T lấy cọc tiền và xấp bao lì xì cầm bên tay trái. Sau đó, T đi đến tủ quần áo của K và T3 thấy cửa tủ không khóa, T mở cửa tủ ra thì thấy phía dưới có một hộc tủ nhỏ, T kéo hộc tủ ra thì thấy bên trong có 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, T lấy số tiền này cầm bên tay trái và đi xuống tầng 1 vào phòng của mình thay quần áo rồi cầm số tiền vừa trộm được đi xuống tầng trệt cất vào cốp xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 8182-386.92. Sau đó, T điều khiển xe đến nhà cô ruột ở Quận 7 để ngủ. Khi đến đường Nguyễn Hữu Thọ thuộc phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, T thấy đường vắng người qua lại nên dừng xe mô tô tấp vào lề đường, mở cốp xe lấy tiền vừa trộm được ra kiểm tra thì biết cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng lấy trộm trong tủ quần áo gồm có 12 tờ, tổng số tiền là 6.000.000 đồng, còn cọc tiền lấy trên bàn và tiền trong cọc bao lì xì T không nhớ chính xác bao nhiêu tờ vì có nhiều mệnh giá

khác nhau, chỉ nhớ khi đếm thì tổng số tiền này là 3.200.000 đồng (tổng số tiền T lấy trộm tại phòng của K và T3 là 9.200.000 đồng). Sau khi đếm tiền xong, T vứt bỏ cọc bao lì xì (đã lấy hết tiền ra) vào lề đường và tiếp tục điều khiển xe về nhà cô ruột tại địa chỉ số 174 Lê Văn Lương, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để nghỉ ngơi. Sau đó, T đi uống cà phê và sử dụng số tiền vừa trộm được tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô quay về phòng trọ thay đồ để chuẩn bị đi làm. Khi vào phòng, T nhắn tin trong nhóm có K, T3, T1 qua ứng dụng messenger nội dung là nhà có trộm nhằm đánh lạc hướng hành vi trộm cắp tài sản của T. Sau đó, K gọi điện cho T qua ứng dụng messenger có hình ảnh kêu lên phòng của K xem có mất gì không thì T quay điện thoại cho K xem thì K nói mất hết tiền rồi. Sau đó, K và T3 đi về phòng kiểm tra thì phát hiện tiền của mình bị mất nên cả hai cùng T đến Công an phường Cầu Kho trình báo sự việc. Tại đây, T giả vờ khai báo bị mất tài sản. Tuy nhiên, qua truy xét phát hiện T là người trộm cắp 9.200.000 đồng của K và T3.

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người liên quan, biên bản đối chất, biên bản thu giữ vật chứng, bản ảnh và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được (Bút lục 18-26, 28-75, 80, 81, 83-91).

Vật chứng vụ án:

Số tiền 9.200.000 đồng là tiền mà bị can T chiếm đoạt của bà T3. Hiện T đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bà T3.

Thu giữ của Trần Minh T:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, biển số: 81B2-38*.**. Qua xác minh, bà Phạm Tuyết M là người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô. Bà M cho bị can T mượn xe để làm phương tiện đi lại và không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội (Bút lục 28, 29, 60, 88);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (Bút lục 60, 88);

- 01 (một) ví màu đen bên trong có 950.000 đồng (Bút lục 60, 88);

- 01 (một) áo thun nền trắng cổ xanh, thêu chữ R ở ngực trái; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép không có quai hậu màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đậm, là trang phục T sử dụng khi phạm tội (Bút lục 60, 88).

Hiện tất cả vật chứng đang được tạm giữ tại Công an Quận 1 (Bút lục 78, 79).

Trách nhiệm dân sự: Bà Phan Thanh T3 đã nhận lại số tiền 9.200.000 đồng, nên không yêu cầu gì thêm (Bút lục 38, 40a).

Bản cáo trạng số: 95/CT-VKS-Q1 ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” mà tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại chị Phan Thanh T3 đã nhận lại số tiền 9.200.000 đồng và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét

- Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, biển số: 81B2-38*.*, số khung: 5812GY57****, số máy: JF66E049****. Qua xác minh, chị Phạm Tuyết M là người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô. Chị M cho bị cáo T mượn xe để làm phương tiện đi lại và không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho chị Phạm Tuyết M;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 35717334337****, Imei 2: 35717334332**** là tài sản của bị cáo T, bị cáo đã sử dụng để gọi cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với 01 (một) ví màu đen bên trong có 950.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo T;

- Đối với 01 (một) áo thun nền trắng cổ xanh, thêu chữ R ở ngực trái; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép không có quai hậu màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đậm, là trang phục bị cáo T sử dụng khi phạm tội,

bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì. Đồng thời, bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là: Biên bản bắt bị can để tạm giam, biên bản hoạt động điều tra, hình ảnh camera hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, bản tường trình, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, kết luận định giá tài sản,... nên có căn cứ để kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13 tháng 02 năm 2024, tại căn nhà địa chỉ: Số TK*/** đường Võ Văn K, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 9.200.000 đồng của chị Phan Thanh T3. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Minh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian với mức hình phạt nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, theo các kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 11; Công an phường Cầu Kho, Quận 1; Công an phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đều thể hiện bị cáo không có nơi cư trú ổn định tại các địa phương này theo Luật Cư trú, đồng thời bị cáo không chứng minh được địa chỉ cư trú hợp pháp nào khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hoàn cảnh nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại chị Phan Thanh T3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, biển số: 81B2-38*.**, số khung: 5812GY57****, số máy: JF66E049****. Qua xác minh, chị Phạm Tuyết M là người đứng tên trên giấy đăng ký xe mô tô. Chị M cho bị cáo T mượn xe để làm phương tiện đi lại và không biết việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chị Phạm Tuyết M;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 35717334337****, Imei 2: 35717334332****, là tài sản của bị cáo T sử dụng để liên lạc với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với 01 (một) ví màu đen bên trong có 950.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo;

- Đối với 01 (một) áo thun nền trắng cổ xanh, thêu chữ R ở ngực trái; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép không có quai hậu màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đậm, là trang phục bị cáo T mặc khi phạm tội, bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Minh T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam bị cáo là ngày 03 tháng 6 năm 2024.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, Imei 1: 35717334337****, Imei 2: 35717334332****;

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh T 01 (một) ví màu đen bên trong có 950.000 (Chín trăm năm mươi ngàn) đồng;

- Trả lại cho chị Phạm Tuyết M 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu xanh nâu, biển số: 81B2-38*.*, số khung: 5812GY57****, số máy: JF66E049****;

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) áo thun nền trắng cổ xanh, thêu chữ R ở ngực trái; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép không có quai hậu màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh đậm;

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 131/2024/PNK-THAHS ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Công an Quận 1).

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP. HCM;
- Công an Quận 1, TP. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đinh Kim Huệ